



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG



VINATEX DANANG

Đà Nẵng, tháng 12 năm 2016

MỤC LỤC

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG

PHẦN MỞ ĐẦU	4
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	5
Điều 1. Giải thích thuật ngữ.....	5
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	6
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	6
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY ...	7
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty	7
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	8
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP	8
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	8
Điều 6. Các loại vốn khác	9
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	10
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	10
Điều 9. Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần.....	10
Điều 10. Thu hồi cổ phần.....	11
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT	12
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát.....	12
Điều 12. Các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty	12
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG	12
Điều 13. Quy định chung về Cổ đông	12
Điều 14. Quyền của cổ đông.....	13
Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông.....	14
Điều 16. Đại hội đồng cổ đông	14
Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	15
Điều 18. Các đại diện được ủy quyền.....	16
Điều 19. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.....	17
Điều 20. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo	17
Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	19

Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	21
Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông	22
Điều 24. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông.....	24
Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	24
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	25
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ	25
Điều 27. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	26
Điều 28. Điều kiện ứng cử, đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị	28
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	29
Điều 30. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế	29
Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị	30
CHƯƠNG VIII. CƠ QUAN TÔNG GIÁM ĐỐC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ THƯ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	33
Điều 32. Tổng Giám đốc.....	33
Điều 33. Bộ máy giúp việc	34
Điều 34. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm của Ban Tổng Giám đốc	34
Điều 35. Thư ký Công ty	35
CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ.....	35
Điều 36. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý	35
Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	35
Điều 38. Trách nhiệm và bồi thường	36
CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT.....	37
Điều 39. Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát.....	37
Điều 40. Quyền và nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát	39
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY	40
Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ.....	40
CHƯƠNG XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐOÀN THỂ	41
Điều 42. Người lao động và các tổ chức đoàn thể.....	41
CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	41
Điều 43. Cổ tức.....	41

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN.....	42
Điều 44. Tài khoản ngân hàng	42
Điều 45. Các loại quỹ	42
Điều 46. Năm tài chính	43
Điều 47. Hệ thống kế toán	43
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG	43
Điều 48. Báo cáo hàng năm	43
Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chứng	44
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY.....	44
Điều 50. Kiểm toán	44
CHƯƠNG XVII. CON DẤU	44
Điều 51. Con dấu	44
CHƯƠNG XVIII. TÔ CHỨC LẠI CÔNG TY	45
Điều 52. Chia Công ty	45
Điều 53. Tách Công ty	45
Điều 54. Hợp nhất Công ty	46
Điều 55. Sáp nhập Công ty	47
Điều 56. Chuyển đổi Công ty	47
CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	48
Điều 57. Chấm dứt hoạt động	48
Điều 58. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	48
Điều 59. Thanh lý	48
CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	49
Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ	49
CHƯƠNG XXI. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	49
Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	49
CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC	50
Điều 62. Ngày hiệu lực	50

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua lần đầu theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng tổ chức chính thức vào ngày 20 tháng 07 năm 2005.

Sửa đổi bổ sung lần một (01) theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng tổ chức chính thức vào ngày 28 tháng 04 năm 2008.

Sửa đổi bổ sung lần hai (02) theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng tổ chức chính thức vào ngày 27 tháng 03 năm 2010.

Sửa đổi bổ sung lần ba (03) theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng tổ chức chính thức vào ngày 07 tháng 04 năm 2012.

Sửa đổi bổ sung lần bốn (04) theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng vào ngày 21 tháng 12 năm 2016.

CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "**Vốn điều lệ**" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã phát hành và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này;
- b. "**Luật Doanh nghiệp**" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- c. "**Luật chứng khoán**" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan;
- d. "**Ngày thành lập**" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh) lần đầu;
- e. "**Cán bộ quản lý**" là Tổng Giám đốc điều hành, Phó Tổng Giám đốc điều hành, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn;
- f. "**Người có liên quan**" là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại các văn bản Luật hiện hành;
- g. "**Thời hạn hoạt động**" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
- h. "**Việt Nam**" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam;
- i. "**Địa bàn kinh doanh**" có nghĩa là lãnh thổ Việt Nam và nước ngoài.
- j. "**Tỷ lệ sở hữu nước ngoài**" tại Công ty được quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị Định 60/2015/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ ký ban hành ngày 26 tháng 06 năm 2015.
- k. "**Cổ tức**" là khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính.
- l. "**Ngày**" là ngày theo lịch, bao gồm cả ngày nghỉ (thứ 7, chủ nhật, ngày Lễ, ngày Tết).
 - "**Ngày làm việc**" là "**ngày**" không bao gồm những ngày nghỉ.
 - "**Đa số**" là trên 50%.
- m. "**Công ty**" là Công ty cổ phần VINATEX ĐÀ NẴNG, được đổi tên từ Công ty cổ phần Sản xuất xuất nhập khẩu dệt may Đà Nẵng thành lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Nghị định số 64/2002/NĐ-CP của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành công ty cổ phần. Điều lệ, các quy định của Công ty, các Nghị Quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng Quản trị đã được thông qua một cách

hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc để tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
- Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG**
- Tên tiếng Anh: **VINATEX DA NANG JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **VINATEX DA NANG**
- Tên giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN VINATEX ĐÀ NẴNG**

2. Công ty là Công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với Pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: 25 Trần Quý Cáp, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.
- Điện thoại: 0511 382 3725 – 382 7116
- Fax: 0511 382 3367
- E-mail: vinatexdn@dng.vnn.vn
- Website: www.vinatexdn.com.vn
- Địa chỉ chi nhánh và địa điểm kinh doanh của Công ty:

Chi nhánh:

+ Cơ sở 2:

Địa chỉ: Số 88 Thanh Sơn, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

+ Nhà máy May Dung Quất – Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Địa chỉ: Lô L1, Phân khu công nghiệp Sài Gòn - Dung Quất, Xã Bình Thạnh, Huyện Bình Sơn, Tỉnh Quảng Ngãi.

+ Nhà máy May Phù Mỹ - Chi nhánh Công ty Cổ phần Vinatex Đà Nẵng

Địa chỉ: Thị trấn Phù Mỹ, Huyện Phù Mỹ, Tỉnh Bình Định

Địa điểm kinh doanh:

+ Cơ sở 2

Địa chỉ: Số 88 Thanh Sơn, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng.

4. Người đại diện theo pháp luật của Công ty:

- a. Số lượng người đại diện theo pháp luật là một (01) người. Tổng giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - b. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của công ty, đại diện cho công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
 - c. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp người đại diện theo pháp luật xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - d. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - e. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Khoản 2 và Khoản 3 Điều 56 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và vô thời hạn.

CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty

- a) Sản xuất kinh doanh hàng may mặc xuất khẩu, hàng thêu đan, hàng áo len, nguyên phụ liệu, phụ tùng, hóa chất, thuốc nhuộm và các sản phẩm cuối cùng của ngành dệt may, máy móc, thiết bị may, hàng thủ công mỹ nghệ;
- b) Đại lý và kinh doanh thiết bị, hàng tiêu dùng, dịch vụ giao nhận, bảo quản, vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu;

- c) Kinh doanh xuất nhập khẩu nguyên liệu hải sản, hàng công nghệ thực phẩm, ô tô xe máy, máy điều hòa không khí và các mặt hàng tiêu dùng khác;
- d) Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch, khu vui chơi giải trí;
- e) Thi công lắp đặt hệ thống điện dân dụng, công nghiệp phục vụ ngành dệt may và xây dựng dân dụng, hệ thống điện lạnh;
- f) Kinh doanh bất động sản.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty

- a) Tối đa hóa lợi nhuận;
- b) Tạo lợi nhuận cho các cổ đông;
- c) Bảo toàn và phát triển vốn;
- d) Tạo công ăn việc làm ổn định, nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho người lao động;
- e) Phát triển Công ty ngày càng lớn mạnh, có trình độ công nghệ, quản lý hiện đại và chuyên môn hóa cao; kinh doanh đa ngành, trong đó dệt may là các ngành nghề kinh doanh chính; gắn kết chặt chẽ giữa sản xuất kinh doanh với khoa học, công nghệ;
- f) Cạnh tranh và hội nhập kinh tế quốc tế có hiệu quả;
- g) Công ty có thể có các mục tiêu khác trong quá trình hoạt động phù hợp với qui định của pháp luật.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh đã đăng ký với Cơ quan đăng ký kinh doanh và quy định tại điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
2. Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ của Công ty là 29.939.100.000 VNĐ (Bằng chữ: Hai mươi chín tỷ chín trăm ba mươi chín triệu một trăm nghìn đồng).
Tổng số vốn điều lệ của Công ty được chia thành 2.993.910 (Bằng chữ: Hai triệu chín trăm chín mươi ba nghìn chín trăm mười) cổ phần với mệnh giá 10.000 đồng/cổ phần.
2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
3. Cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này đều là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ kèm theo cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 11 Điều lệ này.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của Pháp luật.
5. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp được nêu tại phụ lục một (01) đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.
6. Cổ phần phổ thông mới dự kiến phát hành thêm sẽ được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Công ty phải thông báo việc chào bán, trong đó nêu rõ số cổ phần được chào bán và thời hạn đăng ký mua hợp lý (không ít hơn hai mươi một ngày làm việc) để cổ đông đăng ký mua. Số cổ phần không được cổ đông đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng, theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, với điều kiện là số cổ phần đó không được bán theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ khi Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán/Trung tâm Giao dịch Chứng khoán.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và Pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 6. Các loại vốn khác

1. Vốn vay: Công ty được vay vốn của các ngân hàng, các tổ chức tín dụng, các tổ chức khác, các cá nhân trong nước và nước ngoài để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo các quy định của pháp luật và của Điều lệ này.
2. Vốn tiếp nhận: Công ty được tiếp nhận vốn đầu tư và phát triển của các tổ chức, cá nhân trong nước và ngoài nước theo các quy định của pháp luật và của Điều lệ này để bổ sung vốn cho hoạt động sản xuất kinh doanh.
3. Vốn tích lũy: Vốn tích lũy của Công ty được hình thành từ kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, được dùng để mở rộng và phát triển Công ty, góp vốn liên doanh với các cá nhân, tổ chức kinh tế trong nước và ngoài nước theo các quy định của pháp luật.
4. Trái phiếu: Công ty được quyền phát hành trái phiếu bảo đảm và không có bảo đảm. Công ty được phát hành trái phiếu có thể chuyển đổi thành cổ phiếu nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận. Tỷ lệ chuyển đổi do Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - a) Trái phiếu của Công ty có thể được mua, bán, chuyển nhượng và thừa kế theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b) Nếu phát hành trái phiếu trên thị trường chứng khoán, việc phát hành sẽ tuân theo các qui định của Chính phủ về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Ngoài các loại vốn như đã nêu ở trên, Công ty có những quyền và nghĩa vụ tương ứng trong việc huy động, sử dụng các nguồn vốn khác không trái với Điều lệ này và các quy định

pháp luật liên quan.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo Pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị hủy hoại hoặc bị hư hỏng dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó nếu đưa ra được bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng và thừa kế cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Tất cả các cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm giao dịch chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán của Sở Giao dịch chứng khoán/Trung tâm Giao dịch chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.
3. Trong vòng ba (03) năm đầu kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác, nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này, cổ đông dự định chuyển nhượng cổ phần không có quyền biểu quyết về việc chuyển nhượng các cổ phần đó và người nhận chuyển nhượng đương nhiên trở thành cổ đông sáng lập của Công ty. Sau thời hạn ba (03) năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều bãi bỏ.
4. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc

đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

5. Trong trường hợp một cổ đông bị chết hoặc bị Tòa án có thẩm quyền tuyên bố là chết, những người thừa kế hoặc những người quản lý tài sản của người chết sẽ được Công ty thừa nhận là người (hoặc những người) duy nhất có quyền hoặc hưởng lợi đối với cổ phần, nhưng quy định này không giải tỏa tài sản của Cổ đông đã chết khỏi mọi trách nhiệm gắn liền với bất kỳ cổ phần nào mà người đó sở hữu.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Nếu cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phần thì Hội đồng quản trị có thể gửi thông báo cho cổ đông đó vào bất kỳ lúc nào để yêu cầu thanh toán số tiền đó cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán này gây ra cho Công ty theo qui định.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là 15 ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và phải nêu rõ trường hợp không thanh toán theo yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Nếu các yêu cầu của thông báo nêu trên không được thực hiện thì Hội đồng quản trị có quyền thu hồi mọi cổ phần đã được đề cập trong thông báo vào bất kỳ lúc nào trước khi thanh toán đầy đủ tất cả các khoản phải nộp, các khoản lãi và các chi phí liên quan. Việc thu hồi này sẽ bao gồm tất cả cổ tức được công bố đối với cổ phần bị thu hồi mà thực tế chưa được chi trả cho đến thời điểm thu hồi. Hội đồng quản trị có thể chấp nhận việc giao nộp các cổ phiếu bị thu hồi theo quy định dưới đây và trong các trường hợp khác được quy định tại điều lệ này.
4. Cổ phần bị thu hồi hoặc được giao nộp sẽ trở thành tài sản của Công ty và có thể được bán, tái phân phối hoặc xử lý theo một cách khác cho người mà trước thời điểm cổ phần bị thu hồi hoặc giao nộp đã từng sở hữu cổ phần đó hoặc cho bất kỳ người nào khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp. Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho một số người chuyển giao cổ phần trên cho bất kỳ người nào khác.
5. Cổ đông sở hữu các cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với số cổ phần đó, nhưng vẫn phải chịu trách nhiệm thanh toán cho Công ty tất cả các khoản tiền có liên quan đến cổ phần bị thu hồi đó, cộng với một khoản tiền lãi được tính trên số tiền chưa thanh toán bằng 150% lãi suất cơ bản của Ngân hàng Nhà Nước Việt Nam công bố tại cùng thời điểm cổ đông đó thanh toán cho Công ty kể từ ngày ghi trong báo cáo thu hồi cổ phần của Hội đồng quản trị cho đến ngày thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định trong việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi hoặc có thể miễn giảm thanh toán một phần hoặc toàn bộ số tiền đó.
6. Khi cổ phần được thu hồi, thông báo về việc thu hồi sẽ được gửi đến người sở hữu cổ phần trước thời điểm bị thu hồi; nhưng trong mọi trường hợp việc thu hồi sẽ không bị mất hiệu lực vì lý do bỏ sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Ban Tổng Giám đốc.

Điều 12. Các đơn vị thành viên trực thuộc Công ty

1. Các đơn vị thành viên được thành lập có bộ máy tổ chức tinh gọn, hiệu quả gồm: Giám đốc, Phó Giám đốc, các phòng ban chức năng, tổ đội sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất, nhiệm vụ được giao, chiến lược phát triển chung của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
2. Hoạt động sản xuất kinh doanh của các Đơn vị thành viên tuân thủ theo đúng chức năng, nhiệm vụ được giao, các quyết định của Hội đồng quản trị về các vấn đề nêu tại khoản 2 của điều này và các quy định của pháp luật hiện hành;
3. Các đơn vị thành viên đều có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ chung và quyền hưởng thụ đầy đủ các lợi ích kinh tế trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quy định;
4. Các đơn vị thành viên đều có quyền tham gia họp đóng góp các ý kiến hoặc kiến nghị với Công ty và Hội đồng quản trị tất cả các lĩnh vực trong quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
5. Các mối quan hệ khác tuân theo hệ thống Quy chế quản lý nội bộ, Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 13. Quy định chung về Cổ đông

1. Cổ đông của Công ty là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty cổ phần.
2. Cổ đông được công nhận chính thức sở hữu hợp pháp cổ phần của Công ty sau khi đã trả đủ tiền mua cổ phần và được ghi đầy đủ các thông tin liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp vào sổ đăng ký cổ đông của Công ty.
3. Tại thời điểm thành lập, tất cả các cổ đông của Công ty đều là cổ đông phổ thông. Cổ đông sáng lập là cổ đông đáp ứng các quy định tại Khoản 2 Điều 4 và Điều 119 Luật Doanh nghiệp.
4. Trong trường hợp một cổ đông là tổ chức mới được sáp nhập, hợp nhất từ cổ đông là tổ chức cũ hoặc thừa kế quyền và nghĩa vụ của tổ chức đó, thì cổ đông mới này phải gửi cho Hội đồng quản trị các văn bản có hiệu lực pháp lý về việc sáp nhập, hợp nhất hoặc kế thừa để Hội đồng quản trị xử lý về các vấn đề liên quan đến cổ đông, cổ phần, cổ phiếu và người đại diện của tổ chức đó theo quy định của pháp luật. Trường hợp cổ đông là tổ chức giải thể thì cổ phần của cổ đông này phải được chuyển nhượng cho tổ chức hoặc cá nhân

khác.

5. Cổ đông là cá nhân có thể ủy quyền cho người khác có đủ năng lực theo quy định của pháp luật làm đại diện cho mình tại Công ty.
6. Việc ủy quyền nêu trên phải được thực hiện bằng văn bản theo các qui định của pháp luật. Cổ đông muốn thay đổi người đại diện phải có văn bản gửi Hội đồng quản trị.
7. Các cổ đông có thể tự nhóm lại để cử một người đại diện. Trường hợp cử hoặc thay người đại diện cho một nhóm cổ đông phải được sự chấp thuận của các cổ đông này bằng văn bản.
8. Nhà đầu tư nước ngoài được mua cổ phần của Công ty theo quy định của pháp luật Việt Nam. Nhà đầu tư nước ngoài có nhu cầu mua cổ phần của Công ty phải mở tài khoản tại các tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán đang hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam và tuân thủ pháp luật Việt Nam. Mọi hoạt động mua, bán cổ phần; nhận, sử dụng cổ tức và các khoản thu khác từ đầu tư mua cổ phần đều phải thông qua tài khoản này.

Điều 14. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông được gọi là cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền. Mỗi cổ phần phổ thông có một quyền biểu quyết;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông của từng cổ đông trong Công ty;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông nắm giữ loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của Pháp luật;
 - h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp;
 - i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Các quyền đối với các loại cổ phần khác (nếu có) phát sinh sẽ được thực hiện theo quy định của Pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên, có quyền:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Khoản 2 Điều 26 và Khoản 2 Điều 39 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Xem xét, trích lục sổ Biên bản và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hàng năm và các báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc mã số doanh nghiệp đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này và Luật doanh nghiệp.

Điều 15. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các Quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
2. Chấp hành các Nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông;
3. Thanh toán đủ và đúng thời hạn số cổ phần cam kết mua.

Không được rút vốn đã góp bằng cổ phần phổ thông ra khỏi công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp được công ty hoặc người khác mua lại cổ phần. Trường hợp có cổ đông rút một phần hoặc toàn bộ vốn cổ phần đã góp trái với quy định tại khoản này thì cổ đông đó và người có lợi ích liên quan trong công ty phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi giá trị cổ phần đã bị rút và các thiệt hại xảy ra.

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần.
5. Thực hiện các nghĩa vụ khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông của Công ty bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần.
2. Các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông bao gồm:

- a. Cuộc họp thành lập Công ty;
 - b. Cuộc họp thường niên được tổ chức trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo đề nghị của Hội đồng quản trị, cơ quan đăng ký kinh doanh có thể gia hạn nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.
 - c. Cuộc họp bất thường.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của công ty;
 - b. Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
 - c. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 4 Điều 14 của Điều lệ này;
 - d. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;
 - e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 17. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Các cuộc họp thường niên và bất thường của Đại hội đồng cổ đông có quyền thảo luận và thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua định hướng phát triển của công ty;
 - b. Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c. Quyết định số lượng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 26 Điều lệ này. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên;
 - d. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty;
 - e. Quyết định sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty, trừ trường hợp điều chỉnh vốn điều lệ do bán thêm cổ phần mới trong phạm vi số lượng cổ phần được quyền chào bán qui định tại điều lệ công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h. Xem xét và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho công ty và cổ đông công ty;
 - i. Quyết định tổ chức lại, giải thể công ty;
 - j. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

2. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu cho bất kỳ một quyết định nào của Đại hội đồng cổ đông để thông qua:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Luật Doanh nghiệp nếu cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng; hoặc
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của bất kỳ người nào có liên quan đến cổ đông đó.
3. Đại hội đồng cổ đông phải thảo luận và biểu quyết đối với các quyết định về các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp.

Điều 18. Các đại diện được ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham gia Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Đại diện được ủy quyền không nhất thiết phải là cổ đông. Người được cổ đông ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông không được phép ủy quyền lại cho người khác đồng thời không được hành động vượt quá phạm vi được ủy quyền hoặc thực hiện biểu quyết nhân danh chính mình.

Trường hợp cổ đông là tổ chức sở hữu ít nhất 10% tổng số cổ phần phổ thông có quyền ủy quyền cho tối đa ba (03) người dự họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu biểu quyết của mỗi người đại diện. Trường hợp chủ sở hữu, thành viên, cổ đông công ty không xác định phần vốn góp, số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, phần vốn góp, số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền.
2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, đóng dấu của tổ chức và có chữ ký người được ủy quyền dự họp, Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền được một luật sư ký thay mặt cho người ủy quyền thì văn bản ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao có xác nhận hợp lệ của văn bản ủy quyền đó phải được nộp cùng (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty) với văn bản chỉ định đại diện được ủy quyền. Nếu yêu cầu này không được thực hiện thì việc chỉ định đại diện ủy quyền sẽ bị coi là không có hiệu lực.

4. Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền trong phạm vi được uỷ quyền có hiệu lực ngay cả khi cổ đông chỉ định đại diện uỷ quyền đó đã:
 - a. Chết hoặc bị hạn chế năng lực hành vi dân sự, mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Huy bỏ việc chỉ định đại diện uỷ quyền; hoặc
 - c. Huy bỏ thẩm quyền của người đại diện được uỷ quyền

Lá phiếu bầu của đại diện được uỷ quyền sẽ không có hiệu lực khi Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện nêu tại Khoản 4b, 4c Điều 19 nói trên 24 giờ trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông..

Điều 19. Danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông

1. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập dựa trên sổ đăng ký cổ đông của công ty. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn mười (10) ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn dài hơn.
2. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, số Thẻ căn cước công dân. Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.
3. Cổ đông có quyền kiểm tra, tra cứu, trích lục và sao danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông; yêu cầu sửa đổi những thông tin sai lệch hoặc bổ sung những thông tin cần thiết về mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Trường hợp cổ phần được chuyển nhượng trong thời gian từ ngày lập xong danh sách cổ đông đến ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thì người nhận chuyển nhượng có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông thay thế cho người chuyển nhượng khi chứng minh được sự chuyển nhượng trên thực tế đã được thực hiện.

Điều 20. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo

1. Hội đồng quản trị sẽ triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên tại địa điểm họp trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định về các vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ này, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tiếp theo. Tổng Giám đốc phải cung cấp cho Chủ tịch Hội đồng quản trị chương trình họp dự kiến về việc họp Hội đồng quản trị hàng năm.
2. Đại hội đồng cổ đông được triệu tập họp bất thường trong trường hợp dưới đây:
 - a. Theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường khi:
 - i. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. Việc triệu tập họp là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để

thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của công ty và Hội đồng quản trị cũng nhận thấy như vậy;

- ii. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị giảm 50%;
 - iii. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà Luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;
- b. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.
 - c. Theo yêu cầu của Ban kiểm soát nếu có lý do tin rằng thành viên của Hội đồng quản trị đã vi phạm nghiêm trọng các trách nhiệm của họ tại Điều 149, 160 Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị đã hành động hoặc có ý hành động vượt quyền hạn cho phép.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày số thành viên còn lại như quy định tại khoản 19.2.a (iii), hoặc nhận được yêu cầu theo quy định tại khoản 19.2.b và 19.2.c của Điều lệ này. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập được cuộc họp Đại hội đồng cổ đông này, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo, Ban Kiểm soát sẽ triệu tập cuộc họp các Cổ đông. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông như quy định thì Trường ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với công ty. Nếu Ban Kiểm soát không triệu tập cuộc họp đó, thì trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày tiếp theo Cổ đông, hoặc nhóm Cổ đông quy định tại khoản 19.2.b của Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát đề triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trong trường hợp này cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.
- Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do công ty chi trả. Tuy nhiên, để cho rõ ràng các chi phí này không bao gồm các khoản mà Cổ đông phải chịu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, đặc biệt là chi phí ăn ở và đi lại.
4. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải lập danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông, cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông, lập chương trình và nội dung cuộc họp, chuẩn bị tài liệu, xác định thời gian và địa điểm họp, gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Thông báo có thể gửi trực tiếp hoặc bằng đường bưu điện đến địa chỉ của cổ đông hoặc tới địa chỉ mà cổ đông đó đăng ký nhận thông báo. Đối với các cổ đông làm việc tại Công ty thì thông báo có thể gửi cho mỗi Cổ đông đó trong phong bì dán kín tại nơi làm việc của họ.
 5. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh của công ty; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông; thời gian và địa điểm họp.

6. Kèm theo thông báo mời họp phải có mẫu chi định đại diện theo ủy quyền dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết các tài liệu thảo luận làm cơ sở để thông qua quyết định và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
7. Thông báo mời họp và các tài liệu gửi kèm theo được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các Cổ đông.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình và nội dung họp.
9. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty chậm nhất 03 ngày trước ngày khai mạc. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.
10. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông chỉ có quyền từ chối kiến nghị quy định tại Khoản 9 Điều này nếu có một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung.
 - b. Vấn đề kiến nghị không thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Những trường hợp khác quy định tại Điều lệ này.
11. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 9 Điều này vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 10 Điều này; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

Điều 21. Điều kiện, thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.
 - b. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không có đủ số lượng cổ đông cần thiết theo quy định tại Khoản 1 của Điều này thì triệu tập lần thứ 02 trong vòng 30 ngày kể từ ngày cuộc họp thứ nhất dự định khai mạc. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
 - c. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không có đủ điều kiện cần thiết như quy định tại Khoản 1.b của Điều này thì một cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng 20 ngày kể từ ngày cuộc họp lần thứ hai dự định khai mạc. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào số cổ đông dự họp và tỷ lệ số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp.
 - d. Chỉ có Đại hội đồng cổ đông mới có quyền thay đổi chương trình họp đã được gửi kèm theo thông báo mời họp quy định tại Điều 20 của Điều lệ này.
2. Các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông sẽ do Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa. Nếu Chủ tịch vắng mặt hoặc không có điều kiện thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên

được ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không ai trong số họ có thể chủ trì cuộc họp, thành viên Hội đồng quản trị có mặt với chức vụ cao nhất sẽ tổ chức cuộc họp để bầu ra Chủ tọa của cuộc họp. Chủ tọa được bầu của cuộc họp đề cử một Thư ký để lập biên bản cuộc họp. Trường hợp bầu chủ tọa, tên Chủ tọa được đề cử và số phiếu bầu cho Chủ tọa phải được công bố.

3. Đại hội đồng cổ đông bầu ban kiểm phiếu không quá ba người theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp.
4. Chương trình và nội dung họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngay trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
5. Vào ngày tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông, thủ tục đăng ký cổ đông tham dự họp phải được tiến hành và tiếp tục cho đến khi bảo đảm việc đăng ký đầy đủ tất cả các cổ đông có quyền dự họp.
6. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của Cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết tại cuộc họp sẽ được tiến hành bằng cách thu số thẻ ủng hộ một quyết định trước, thu số thẻ phản đối quyết định đó sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối một vấn đề, hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi việc biểu quyết được tiến hành. Đại hội sẽ tự chọn trong số đại biểu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu và nếu cuộc họp không chọn thì Chủ tọa sẽ chọn những người đó.
7. Cổ đông đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại cuộc họp nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng cuộc họp đó để cho họ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.
8. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình họp của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.
9. Chủ tọa có quyền hoãn cuộc họp đã có đủ số người đăng ký dự họp theo quy định đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do Chủ tọa quyết định trong các trường hợp sau:
 - a. Địa điểm họp không đủ chỗ ngồi thuận tiện cho tất cả người dự họp;
 - b. Người dự họp có hành vi cản trở, gây rối trật tự, có nguy cơ làm cho cuộc họp không được tiến hành một cách công bằng và hợp pháp;
 - c. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của cuộc họp được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, với sự nhất trí hoặc yêu cầu của cuộc họp Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết, Chủ tọa cuộc họp có thể hoãn cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông họp lại sẽ không xem xét bất cứ vấn đề nào ngoài các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại cuộc họp bị trì hoãn trước đó.

Thời gian hoãn tối đa không quá 03 (ba) ngày, kể từ ngày cuộc họp dự định khai mạc

10. Trường hợp chủ tọa hoãn hoặc tạm dừng họp Đại hội đồng cổ đông trái với quy định tại khoản 9 Điều này, Đại hội đồng cổ đông bầu một người khác trong số những người dự họp để thay thế chủ tọa cho đến lúc kết thúc và hiệu lực các biểu quyết tại cuộc họp đó không bị ảnh hưởng.
11. Chủ tọa của cuộc họp hoặc thư ký cuộc họp có thể tiến hành hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để cuộc họp phản ánh được mong muốn của đa số Cổ đông tham dự.
12. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền muốn tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh khác mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Khi đã xem xét kỹ lưỡng, Hội đồng quản trị có thể từ chối không cho tham dự hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền nào đó không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh này ra khỏi cuộc họp.
13. Hội đồng quản trị có thể tiến hành các biện pháp mà họ cho là thích hợp sau khi đã xem xét kỹ lưỡng để:
 - a. Điều chỉnh số người có mặt tại địa điểm chính họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại địa điểm đó;
 - c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự cuộc họp (hoặc tiếp tục tham dự)Hội đồng quản trị có thể thay đổi những biện pháp này vào bất kỳ lúc nào. Các biện pháp có thể bao gồm và không hạn chế việc cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.
14. Trong trường hợp tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nói trên, khi xác định địa điểm cuộc họp, Hội đồng quản trị có thể:
 - a. Thông báo rằng cuộc họp sẽ được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và Chủ tọa cuộc họp sẽ có mặt tại đó (“Địa điểm cuộc họp chính”);
 - b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm cuộc họp chính có thể đồng thời tham dự cuộc họp.
 - c. Thông báo về việc tổ chức cuộc họp không cần phải đưa ra chi tiết về những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

Trong Điều khoản này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác đi), mọi cổ đông sẽ được coi là tham gia cuộc họp ở địa điểm cuộc họp chính.

Điều 22. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thông qua các quyết định thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 3 của Điều này, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông khi được số cổ đông đại diện ít nhất

51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

3. Đối với các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty; loại cổ phần và tổng số lượng cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sáp nhập, tổ chức lại, giải thể Công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty thì phải được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.
4. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
5. Các quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông với số cổ đông trực tiếp và uỷ quyền tham dự đại diện 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập, nội dung chương trình họp và thể thức tiến hành họp không được thực hiện đúng như quy định.
6. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua.
7. Người chủ trì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm lưu các biên bản và gửi cho tất cả các cổ đông trong vòng 15 ngày khi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Các biên bản này được coi là những bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối được đưa ra một cách hợp lệ về nội dung biên bản trong vòng 10 ngày kể từ khi gửi những biên bản đó đi. Biên bản sẽ được lập bằng tiếng Việt, được Chủ toạ cuộc họp và Thư ký ký xác nhận và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, sổ chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 23. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến.

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - đ. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - e. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:
 - a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;
5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;
 - e. Các quyết định đã được thông qua;

- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ hoặc gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.
7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận (trừ quy định tại Khoản 3 Điều 22) và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 24. Biên bản, nghị quyết họp Đại hội đồng cổ đông

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông kết thúc. Biên bản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng chín mươi (90) ngày kể từ khi gửi biên bản. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có chữ ký xác nhận của Chủ tọa đại hội và Thư ký và được lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này. Các bản ghi chép, biên bản, nghị quyết, số chữ ký của các cổ đông dự họp và văn bản uỷ quyền tham dự phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 25. Yêu cầu hủy bỏ các quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn 90 (chín mươi) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc có quyền yêu cầu Tòa án xem xét hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại Khoản 5 Điều 22 Điều lệ này;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm các quy định của pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Số lượng Thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) thành viên. Tùy thuộc vào từng giai đoạn phát triển của Công ty, Đại hội đồng cổ đông quyết định số thành viên của Hội đồng quản trị nhưng không ít hơn ba (03) thành viên và không quá mười một (11) thành viên. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 (năm) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

Hội đồng quản trị của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Hội đồng quản trị mới được bầu và tiếp quản công việc.

2. Mỗi cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ sáu (06) tháng trở lên được quyền đề cử một ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị.

Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít hơn 10% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục từ 6 tháng trở lên có quyền gộp số cổ phần có quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các thành viên của Hội đồng quản trị. Nếu như tổng số cổ phần có quyền biểu quyết mà họ sở hữu chiếm từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì họ được quyền đề cử 01 ứng cử viên để bầu vào Hội đồng quản trị; nếu chiếm từ 20% đến dưới 40% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì họ được quyền đề cử 02 ứng cử viên; nếu sở hữu từ 40% đến dưới 60% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì họ được quyền đề cử 03 ứng cử viên; nếu sở hữu từ 60% đến dưới 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì họ được quyền đề cử 04 ứng cử viên; và nếu sở hữu lớn hơn 80% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết thì họ được quyền đề cử 05 ứng cử viên.

Trường hợp số lượng ứng cử viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử, số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát hoặc các cổ đông khác đề cử.

Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên của Hội đồng quản trị phải tuân thủ theo những quy định trong Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp.

3. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.

- b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn đủ năng lực hành vi dân sự.
 - d. Thành viên đó vắng mặt, không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự cho phép của Hội đồng quản trị, trừ trường hợp bất khả kháng và Hội đồng quản trị đã quyết nghị rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.
 - e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
4. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một thành viên mới để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng quản trị và thành viên này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông tiếp sau đó. Ngay khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên được bổ nhiệm mới là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ hiện tại của Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị được chỉ định để thế vào một chỗ trống bất ngờ phát sinh trong Hội đồng vẫn phải trải qua cuộc bỏ phiếu tín nhiệm tại Đại hội đồng thường niên tiếp theo.
 5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo đúng quy định về công bố thông tin của Công ty đại chúng.
 6. Thành viên Hội đồng quản trị không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty chịu sự quản lý hoặc chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm trong quản lý, vi phạm Điều lệ Công ty, vi phạm pháp luật gây thiệt hại cho Công ty.
2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong hoạt động kinh doanh hàng ngày.
3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ, các Quy chế nội bộ của Công ty và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển của Công ty;
 - b. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty;
 - c. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng Công ty. Thông qua việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với các chức danh chủ chốt khác (từ Trưởng phòng, Giám đốc Nhà máy Xí nghiệp trở lên; Trưởng Văn phòng Đại diện). Quyết định mức lương và các chế độ khác của Ban Tổng Giám đốc.

- Cử người đại diện theo uỷ quyền thực hiện quyền sở hữu cổ phần hoặc phần vốn góp ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;
- d. Quyết định cơ cấu tổ chức; quyết định chuyên trụ sở Công ty, thành lập hay giải thể các đơn vị thành viên, chi nhánh, văn phòng đại diện theo đề nghị của Tổng Giám đốc; và quyết định ban hành các quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - f. Thực hiện việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo một giá xác định trước;
 - g. Quyết định giá bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi; Quyết định mua lại không quá 10% số cổ phần đã bán của từng loại; Quyết định việc góp vốn vào doanh nghiệp khác và mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - h. Thực hiện các khiếu nại của Công ty về người quản lý cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty trong các thủ tục pháp lý chống lại người quản lý đó;
 - i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - j. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - k. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
 - l. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Việc thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Việc thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Khoản 2 Điều 149 của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị quyết định tuỳ từng thời điểm, việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, đầu tư công ty và liên doanh) trừ trường hợp thuộc thẩm quyền phê duyệt của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Việc chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty uỷ nhiệm là đại diện thương mại có thẩm quyền và luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện mọi khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị lớn hơn giá trị đã được Hội đồng quản trị uỷ quyền cho Ban Tổng giám đốc.
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- i. Việc Công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% cổ phần theo từng loại;
 - j. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc điều hành và những người quản lý khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
 6. Hội đồng Quản trị có thể uỷ quyền cho viên chức cấp dưới và các người quản lý đại diện và hành động thay mặt cho Công ty, thậm chí cả khi vấn đề đòi hỏi việc đánh giá và đưa ra kết luận, trừ khi luật pháp và Điều lệ quy định khác.
 7. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được uỷ quyền thay thế) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thoả thuận trong Hội đồng quản trị hoặc nếu không có thoả thuận thì chia đều.
 8. Tổng số tiền trả thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị và số tiền mà mỗi thành viên được nhận phải được ghi chi tiết trong báo cáo thường niên của Công ty.
 9. Mọi thành viên nắm giữ bất kỳ một chức vụ điều hành nào hoặc thành viên làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị, hoặc thành viên thực hiện những công việc khác mà theo quan điểm của Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm tiền thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận, hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
 10. Các thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, kể cả mọi chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

Điều 28. Điều kiện ứng cử, đề cử làm thành viên Hội đồng quản trị

Những người sau đây có quyền ứng cử và được đề cử vào Hội đồng quản trị:

1. Cổ đông là cá nhân sở hữu và/hoặc người đại diện của cổ đông sở hữu ít nhất 5% tổng số cổ phần phổ thông.
2. Người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức sở hữu và/hoặc người đại diện hợp pháp của cổ đông sở hữu số cổ phần có giá trị tương đương ít nhất 10% vốn Điều lệ trở lên.
3. Có lý lịch rõ ràng; nhân thân tốt; có trình độ từ Đại học trở lên /Am hiểu về ngành nghề Công ty đang hoạt động, làm công tác quản lý ngành nghề Công ty đang hoạt động trên 5 năm. Có năng lực chuyên môn, kiến thức và kinh nghiệm tổ chức quản lý doanh nghiệp; có kinh nghiệm quản lý doanh nghiệp; có năng lực tổ chức sản xuất kinh doanh và không bị cấm đảm nhiệm chức vụ quản lý, điều hành doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu ra trong số thành viên của Hội đồng quản trị. Trừ khi Đại hội đồng cổ đông quyết định khác, Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể kiêm nhiệm chức vụ Tổng Giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập và làm chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc mất khả năng thực hiện nhiệm vụ được giao thì thành viên được ủy quyền sẽ thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chọn một người trong số họ tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số quá bán.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải gửi báo cáo tài chính thường niên, báo cáo về tình hình chung của Công ty, báo cáo kiểm toán của Kiểm toán viên và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
4. Khi Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn vì bất cứ lý do nào thì Hội đồng quản trị phải cử người trong số thành viên đương nhiệm thay thế trong thời hạn 10 ngày.

Điều 30. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế

1. Mọi thành viên Hội đồng quản trị (nhưng không phải người được uỷ nhiệm thay thế cho thành viên đó) có thể chỉ định bất kỳ một thành viên Hội đồng quản trị nào khác, hoặc bất kỳ người nào khác được Hội đồng quản trị phê chuẩn và sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ này, làm người thay thế cho mình và có quyền bãi miễn người thay thế đó.
2. Thành viên Hội đồng quản trị thay thế sẽ có quyền nhận được thông báo về mọi cuộc họp của Hội đồng quản trị và của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị mà người chỉ định thành viên Hội đồng quản trị thay thế là thành viên, có quyền tham gia và biểu quyết tại bất kỳ cuộc họp nào mà ở đó thành viên Hội đồng quản trị chỉ định thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt, và được uỷ quyền để thực hiện tất cả các chức năng của người chỉ định như là thành viên của Hội đồng quản trị trong trường hợp người chỉ định vắng mặt nhưng không có quyền nhận bất kỳ khoản thù lao nào từ phía Công ty cho công việc của mình với tư cách là thành viên Hội đồng quản trị thay thế. Tuy nhiên, Công ty không bắt buộc phải gửi thông báo về các cuộc họp nói trên cho thành viên Hội đồng quản trị thay thế không có mặt tại Việt Nam.
3. Thành viên thay thế sẽ phải từ bỏ tư cách thành viên Hội đồng quản trị nếu người chỉ định thành viên Hội đồng quản trị thay thế không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị nữa. Nhưng nếu một thành viên Hội đồng quản trị hết nhiệm kỳ nhưng lại được tái bổ nhiệm hoặc được coi là đã được tái bổ nhiệm trong cùng Đại hội đồng cổ đông mà thành viên đó thôi giữ chức do hết nhiệm kỳ thì việc chỉ định thành viên thay thế do người này thực hiện ngay trước thời điểm hết nhiệm kỳ sẽ tiếp tục có hiệu lực sau khi thành viên đó được tái bổ nhiệm.
4. Việc chỉ định hoặc bãi nhiệm thành viên thay thế phải được thực hiện theo hình thức một văn bản thông báo do thành viên Hội đồng quản trị chỉ định hoặc bãi nhiệm người thay thế ký gửi cho Công ty hoặc theo hình thức khác do Hội đồng quản trị phê chuẩn.

5. Ngoài những quy định khác đã được nêu trong Điều lệ này, một thành viên thay thế sẽ được coi như là thành viên Hội đồng quản trị về mọi phương diện và phải chịu trách nhiệm cá nhân về hành vi và sai lầm của mình mà không được coi là người đại diện thừa hành sự uỷ quyền của thành viên Hội đồng quản trị đã chỉ định mình.

Điều 31. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.
2. Hội đồng quản trị họp thường kỳ ít nhất 01 quý một lần. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp thường kỳ của Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian, địa điểm họp và gửi đến các thành viên của Hội đồng quản trị ít nhất 05 (năm) ngày làm việc trước ngày họp dự kiến.
3. Trường hợp cần thiết, Hội đồng quản trị có thể họp phiên bất thường, Hội đồng quản trị phải họp phiên bất thường trong vòng bảy (07) ngày làm việc theo yêu cầu bằng văn bản của một trong những người, nhóm người sau:
 - a. Chủ tịch Hội đồng quản trị;
 - b. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - c. Trưởng Ban Kiểm soát;
 - d. Ít nhất 2/3 Kiểm soát viên;
 - e. Tổng Giám đốc; hoặc ít nhất năm (05) người quản lý do Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
4. Nếu Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập cuộc họp thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty và những người đề nghị có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Theo yêu cầu của Kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Địa điểm họp: Các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở tại Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và sự nhất trí của Hội đồng quản trị.
7. Thông báo và chương trình họp: Các cuộc họp phải được tiến hành trên cơ sở thông báo cho các thành viên Hội đồng quản trị 05 (năm) ngày làm việc trước khi tổ chức với điều kiện là các thành viên Hội đồng quản trị có thể khước từ thông báo mời họp bằng văn bản và sự khước từ đó có thể có hiệu lực hồi tố. Thông báo về cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ phải được làm bằng văn bản bằng tiếng Việt và phải thông báo cả về chương trình họp, thời gian, và địa điểm họp và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và cả các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng quản trị không thể dự họp.

Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

8. Số thành viên tham dự tối thiểu: Cuộc họp chỉ có thể được tiến hành và thông qua các Quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.
9. Biểu quyết:
 - a. Trừ quy định tại Mục 9b Điều này, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.
 - b. Một thành viên Hội đồng quản trị sẽ không được biểu quyết về các hợp đồng hoặc giao dịch hoặc đề xuất nào mà thành viên đó hoặc bất kỳ người có liên quan nào có lợi ích và lợi ích đó có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Một thành viên Hội đồng sẽ không được tính vào số lượng đại biểu tối thiểu cần thiết có mặt tại cuộc họp về bất kỳ quyết nghị nào mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.
 - c. Theo quy định tại Mục 9d Điều này, trong một cuộc họp của Hội đồng quản trị, nếu có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến mức độ lợi ích của thành viên Hội đồng hoặc liên quan đến quyền biểu quyết của bất kỳ thành viên nào mà những vấn đề đó không được giải quyết bằng sự tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng đó, thì những vấn đề đó sẽ được chuyển tới Chủ tọa của cuộc họp và phán quyết của vị Chủ tọa liên quan đến tất cả các thành viên Hội đồng khác sẽ có giá trị là quyết định cuối cùng trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng liên quan chưa được công bố một cách thích đáng.
 - d. Bất kỳ thành viên Hội đồng quản trị nào hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.
10. Công khai lợi ích: Một thành viên Hội đồng quản trị mà bằng cách này hay cách khác, trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến với Công ty sẽ phải tuyên bố bản chất, nội dung của quyền lợi đó trong cuộc họp mà Hội đồng quản trị lần đầu tiên xem xét vấn đề ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này nếu khi đó thành viên này đã biết là mình có lợi ích trong đó. Hoặc thành viên này có thể tuyên bố điều đó tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng liên quan.
11. Biểu quyết đa số: Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra quyết định bằng cách tuân theo ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có mặt (trên 50%). Nếu số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, Chủ tịch sẽ là người có lá phiếu quyết định.
12. Việc bỏ phiếu của người vắng mặt: Thành viên Hội đồng quản trị vắng mặt có thể biểu quyết về quyết định của Hội đồng bằng phương thức bỏ phiếu bằng văn bản. Những phiếu

bằng văn bản này phải được chuyển tới Chủ tịch hoặc gửi cho Thư ký không muộn hơn một tiếng đồng hồ trước thời gian dự họp dự kiến.

13. Hội trên điện thoại hoặc các hình thức khác: Một cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa các thành viên của Hội đồng quản trị mà tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng thành viên Hội đồng khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Nếu muốn, người đó có thể phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc trao đổi giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp, qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác (cho dù là đã được sử dụng vào thời điểm thông qua Điều lệ này hay sau này mới được sử dụng) hoặc là kết hợp những phương thức này. Theo Điều lệ này, mỗi thành viên Hội đồng tham gia họp trong một cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Một cuộc họp được tổ chức theo quy định này được coi là diễn ra tại địa điểm mà nhóm thành viên Hội đồng quản trị đồng nhất tập họp lại, hoặc nếu không có một nhóm như vậy thì địa điểm mà Chủ tọa cuộc họp hiện diện sẽ được coi là địa điểm tổ chức cuộc họp.

Các Quyết định được thông qua trong một cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức sẽ có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của mọi thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

14. Quyết định bằng văn bản: Quyết định bằng văn bản phải được ký bởi tất cả những thành viên Hội đồng sau đây:

- a. Những thành viên có quyền biểu quyết về Quyết định tại cuộc họp Hội đồng;
- b. Số lượng những thành viên có mặt không thấp hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định để tiến hành họp Hội đồng.

Loại quyết định này có hiệu lực và giá trị như là một quyết định được các thành viên Hội đồng thông qua tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức như thường lệ. Quyết định có thể được thông qua bằng cách sử dụng nhiều bản sao của cùng một văn bản nếu mỗi bản sao đó được một thành viên trở lên ký.

15. Biên bản cuộc họp: Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản cuộc họp của Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn 10 ngày kể từ khi chuyển đi. Các biên bản sẽ phải được lập bằng tiếng Việt và phải được ký bởi tất cả các thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Khoản 1 Điều 154 Luật Doanh nghiệp.

16. Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc không phải là thành viên HĐQT có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

CHƯƠNG VIII. CƠ QUAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BỘ MÁY GIÚP VIỆC VÀ THỦ KÝ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 32. Tổng Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một người trong số họ hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Các quy định về mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan do Hội đồng quản trị quyết định. Thông tin về mức lương, trợ cấp, quyền lợi của Tổng Giám đốc phải được báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông thường niên và được nêu trong báo cáo thường niên của Công ty.
2. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty, chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.
3. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 (năm) năm trừ khi Hội đồng quản trị có quy định khác và có thể được bổ nhiệm lại với nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động nhưng cũng không quá 05 (năm) năm. Tổng Giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này.
4. Tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc áp dụng theo Điều 65 Luật Doanh nghiệp;
5. Quyền và nhiệm vụ của Tổng Giám đốc: Tổng Giám đốc có những quyền và nhiệm vụ sau:
 - a. Quyết định tất cả các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;
 - b. Tổ chức thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d. Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ Công ty;
 - e. Đề nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, kỷ luật, cách chức Phó Tổng Giám đốc;
 - f. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý khác trong Công ty trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị;
 - g. Quyết định lương và phụ cấp (nếu có) đối với người lao động trong Công ty, kể cả người quản lý thuộc thẩm quyền bổ nhiệm của Tổng Giám đốc;
 - h. Tuyển dụng lao động;
 - i. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - j. Quyết định hợp đồng mua bán, vay, cho vay và hợp đồng khác theo ủy quyền của Hội đồng quản trị.
 - k. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế của Công ty và các Quyết định của Hội đồng quản trị.
6. Tổng giám đốc phải điều hành công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty theo đúng quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, hợp đồng lao động ký với công ty và quyết định của

Hội đồng quản trị. Nếu điều hành trái với quy định này mà gây thiệt hại cho công ty thì Tổng giám đốc phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại cho Công ty.

Điều 33. Bộ máy giúp việc

1. Hợp đồng lao động của những người quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm sẽ do Hội đồng quản trị quyết định trên cơ sở kiến nghị, đề xuất của Tổng Giám đốc.
2. Phó Tổng Giám đốc; Giám đốc điều hành là người giúp Tổng Giám đốc điều hành một hoặc một số nhiệm vụ theo sự phân công và ủy quyền của Tổng Giám đốc, chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc được phân công ủy quyền. Phó Tổng Giám đốc, Giám đốc điều hành được Hội đồng quản trị bổ nhiệm.
3. Kế toán trưởng có nhiệm vụ giúp Ban Tổng Giám đốc chỉ đạo, thực hiện thống nhất công tác kế toán, thống kê theo đúng quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm về công tác quản lý tài chính kế toán trong toàn Công ty. Kế toán trưởng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm.
4. Giám đốc các Chi nhánh, Nhà máy, Xí nghiệp thành viên, đơn vị trực thuộc Công ty là Thủ trưởng điều hành trực tiếp tại các đơn vị thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh và các hoạt động khác theo quy chế quản lý nội bộ được Hội đồng quản trị phê duyệt, phải tự chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc Công ty, Hội đồng quản trị và pháp luật về phạm vi công việc điều hành của mình.
5. Các Trưởng, Phó phòng, ban chuyên môn là người giúp Ban Tổng Giám đốc Công ty thực hiện nghiệp vụ chuyên môn trong công tác quản lý điều hành công việc hàng ngày theo quy chế quản lý nội bộ được Hội đồng quản trị phê duyệt.
6. Nhiệm kỳ của Ban Tổng Giám đốc và bộ máy giúp việc là không quá năm (05) năm.

Điều 34. Việc từ nhiệm, miễn nhiệm và bãi nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

1. Từ nhiệm: Trong trường hợp từ nhiệm, Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc phải có văn bản gửi tới Hội đồng quản trị. Trong thời hạn 30 ngày kể từ khi nhận được văn bản này, Hội đồng quản trị họp xem xét và quyết định.
2. Miễn nhiệm: Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc đương nhiên miễn nhiệm khi bị chết, mất trí, mất năng lực hành vi dân sự.
3. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có quyền quyết định bãi nhiệm Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc khi có ít nhất 2/3 số thành viên Hội đồng quản trị biểu quyết tán thành (Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc nếu là thành viên Hội đồng quản trị thì không được biểu quyết). Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo.
4. Trong trường hợp Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc không còn đủ tư cách, Hội đồng quản trị phải công bố bằng văn bản về việc này và đề cử người tạm thay thế. Trong thời hạn tối đa 30 ngày kể từ ngày công bố, Hội đồng quản trị phải tiến hành các thủ tục để bổ nhiệm Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc mới.

Điều 35. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một Thư ký Hội đồng quản trị với nhiệm kỳ và những Điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Hội đồng quản trị vào bất kỳ thời điểm nào nhưng không trái với các quy định của pháp luật lao động hiện hành. Hội đồng quản trị có thể cử hai hay nhiều người cùng làm đồng thư ký Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Hội đồng quản trị bao gồm:

- a. Tổ chức các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo lệnh của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- b. Làm biên bản các cuộc họp;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Cung cấp thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

CHƯƠNG IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁN BỘ QUẢN LÝ

Điều 36. Trách nhiệm căn trọng của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý

Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý được uỷ thác trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ căn trọng mà bất kỳ một người thận trọng nào khác cũng cần phải có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Điều 37. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc và người quản lý không được phép sử dụng vì mục đích cá nhân những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của bất kỳ tổ chức hoặc cá nhân nào khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc và người quản lý có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị mọi lợi ích có thể gây xung đột mà họ có thể được hưởng thông qua các tổ chức kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng này chỉ có thể sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.
3. Công ty không được phép cấp các khoản vay, bảo lãnh hoặc tín dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, cán bộ quản lý,

và gia đình của họ hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính, trừ khi Đại hội cổ đông có quyết định khác.

4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý, hoặc những người có liên quan đến họ hoặc bất kỳ công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức nào khác mà ở đó một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý hoặc những người có liên quan đến họ có liên quan lợi ích tài chính, sẽ không bị vô hiệu hoá chỉ vì những mối quan hệ vừa nêu, hoặc chỉ vì thành viên Hội đồng quản trị đó hoặc người quản lý đó có mặt hoặc tham gia vào cuộc họp liên quan hoặc vào Hội đồng quản trị hay tiểu ban đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch, hoặc chỉ vì những phiếu bầu của họ cũng được tính khi biểu quyết về mục đích đó, nếu:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị từ dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được báo cáo cho Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban liên quan. Đồng thời, Hội đồng quản trị hoặc tiểu ban đó đã cho phép thực hiện hợp đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng không có lợi ích liên quan; hoặc
 - b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn 50% của tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những yếu tố quan trọng về hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của người quản lý hoặc thành viên Hội đồng quản trị đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã bỏ phiếu tán thành hợp đồng hoặc giao dịch này một cách trung thực;
 - c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc một tiểu ban trực thuộc Hội đồng hay các cổ đông cho phép thực hiện, thông qua hoặc phê chuẩn.
5. Không một thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc, một nhân viên quản lý hay người có liên quan nào của họ được phép mua hay bán hoặc giao dịch theo bất cứ hình thức nào khác các cổ phiếu của Công ty hoặc công ty con của Công ty vào bất cứ thời điểm nào, khi mà họ có được những thông tin chắc chắn sẽ gây ảnh hưởng đến giá của những cổ phiếu đó và các cổ đông khác lại không biết những thông tin này.

Điều 38. Trách nhiệm và bồi thường

1. Trách nhiệm: Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc/Phó Tổng giám đốc và người quản lý vi phạm nghĩa vụ hành động một cách không trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên

Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của Công ty (hay công ty con của Công ty), hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người quản lý, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc tổ chức khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

CHƯƠNG X. BAN KIỂM SOÁT

Điều 39. Tổ chức, quyền hạn, nhiệm vụ của Ban kiểm soát

1. Ban Kiểm soát có từ 3 đến 5 thành viên, Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên được thực hiện bằng hình thức bỏ phiếu trực tiếp. Nhiệm kỳ đầu của Ban kiểm soát là năm (05) năm và có thể được bầu lại với nhiệm kỳ không hạn chế, cùng nhiệm kỳ với Hội đồng quản trị. Trưởng hợp Kiểm soát viên có cùng thời điểm kết thúc nhiệm kỳ mà Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới chưa được bầu thì Kiểm soát viên đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Kiểm soát viên nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ. Ban Kiểm soát có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại Điều 165 của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, cụ thể như sau:
 - a. Ban kiểm soát thực hiện giám sát Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty; chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao;
 - b. Được Hội đồng quản trị tham khảo ý kiến về việc chi định Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán;
 - c. Thảo luận với Kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
 - d. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài Công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của Công ty nếu thấy cần thiết.
 - e. Kiểm tra, thẩm định các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị;
 - f. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà Kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
 - g. Xem xét các khuyến cáo của Kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý Công ty;

- h. Xem xét báo cáo của Công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận;
 - i. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý;
 - j. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - k. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật doanh nghiệp.
2. Tiêu chuẩn đề cử, ứng cử Kiểm soát viên:
- a. Mỗi cổ đông sở hữu trên 05% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian từ 06 tháng liên tiếp trở lên có quyền đề cử một ứng cử viên vào Ban kiểm soát.
 - b. Những cổ đông sở hữu ít hơn 05% cổ phần có quyền biểu quyết trong khoảng thời gian 06 tháng liên tục trở lên có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng cử viên vào Ban kiểm soát.
3. Kiểm soát viên có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của công ty làm việc.
4. Thành viên của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Thư ký Hội đồng quản trị phải bảo đảm rằng tất cả các bản sao chụp các thông tin tài chính, các thông tin khác cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị và bản sao các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho Kiểm soát viên vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.
5. Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.
6. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú tại Việt Nam. Ban kiểm soát bầu một thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát phải đáp ứng tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
- a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát và hoạt động với tư cách là Trưởng ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Công ty cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo các thành viên của Ban kiểm soát; và
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình lên Đại hội đồng cổ đông.
7. Sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về các cuộc họp và cách thức hoạt động của Ban nhưng không được họp ít hơn 02 lần mỗi năm và số lượng thành viên tối thiểu phải có trong các cuộc họp là 02 người;
8. Một Kiểm soát viên không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:
- a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm Kiểm soát viên;

- b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính cho Công ty;
 - c. Thành viên đó bị ảnh hưởng của sự rối loạn tâm thần và các thành viên khác của Ban kiểm soát có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn có năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó vắng mặt liên tục trong vòng 06 tháng không tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát trong thời hạn đó mà không được phép của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát quyết nghị rằng vị trí của người đó bị bỏ trống.
9. Giới hạn hoạt động của Ban kiểm soát
- a. Ban kiểm soát chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho Công ty khi thi hành nhiệm vụ;
 - b. Việc kiểm tra theo quy định tại Điều 41.2 Điều lệ này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị và không gây gián đoạn trong việc điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty;
10. Chi phí cho hoạt động của Kiểm soát viên được hạch toán vào chi phí quản lý của Công ty. Kiểm soát viên hưởng thù lao công vụ, mức thù lao này Đại hội đồng cổ đông quyết định. Thành viên của Ban kiểm soát cũng sẽ được thanh toán các khoản chi phí đi lại, khách sạn và các chi phí phát sinh một cách hợp lý khi họ tham gia các cuộc họp của Ban kiểm soát hoặc liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

11. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên:

Kiểm soát viên phải có tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

- a. Từ 21 tuổi trở lên, có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- b. Không phải là vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh, chị, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
- c. Kiểm soát viên không được giữ các chức vụ quản lý Công ty. Kiểm soát viên không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty.

Điều 40. Quyền và nhiệm vụ của các thành viên trong Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát có trách nhiệm phân công các thành viên trong Ban kiểm soát phụ trách từng phần công việc.
2. Mỗi Kiểm soát viên, dưới sự chỉ đạo và phân công của Trưởng Ban kiểm soát, có trách nhiệm và quyền hạn như sau:
 - a. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính của Công ty và kiến nghị các biện pháp khắc phục các sai phạm;
 - b. Thẩm định báo cáo tài chính hàng năm của Công ty; kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, theo yêu cầu của cổ đông, nhóm cổ đông có quyền như quy định tại Điều lệ này;

- c. Thông báo định kỳ kết quả kiểm soát cho Hội đồng quản trị; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Ban kiểm soát có trách nhiệm báo cáo Đại hội đồng cổ đông về tính trung thực, hợp pháp của việc ghi chép, lưu trữ sổ sách và báo cáo tài chính về những sự kiện tài chính bất thường, những ưu khuyết điểm trong quản lý tài chính của Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc theo ý kiến độc lập của mình. Chịu trách nhiệm cá nhân về những đánh giá và kết luận của mình. Nếu biết sai phạm mà không báo cáo phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về trách nhiệm của kiểm soát viên;
 - e. Được quyền yêu cầu các phòng ban nghiệp vụ của Công ty cung cấp số liệu, tài liệu và thuyết minh các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - f. Tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị nhưng không tham gia biểu quyết. Nếu có ý kiến khác với Hội đồng quản trị thì có quyền yêu cầu ghi ý kiến của mình vào sổ biên bản phiên họp, trực tiếp báo cáo tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - g. Trưởng Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị họp phiên bất thường hoặc yêu cầu Hội đồng quản trị triệu tập cuộc họp bất thường của Đại hội đồng cổ đông ;
 - h. Kiểm tra việc thực hiện các quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.
3. Ban kiểm soát, Kiểm soát viên không được tiết lộ các bí mật của Công ty.

CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CỦA CÔNG TY

Điều 41. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong Điều 26.2 và 39.2 Điều lệ này đều có quyền, trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Yêu cầu kiểm tra do phía luật sư đại diện hoặc đại diện được uỷ quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy uỷ quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy uỷ quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người quản lý có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ này, giấy đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

CHƯƠNG XII. NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ ĐOÀN THỂ

Điều 42. Người lao động và các tổ chức đoàn thể

1. Tổng Giám đốc sẽ phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua về các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, lao động, buộc thôi việc, lương bổng, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người quản lý và người lao động cũng như những mối quan hệ của Công ty với các tổ chức đoàn thể được công nhận theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và pháp luật.
2. Các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các tổ chức khác hoạt động theo quy định của pháp luật và điều lệ của các tổ chức đó.

CHƯƠNG XIII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 43. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.
2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định thanh toán cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của Công ty.
3. Trừ trường hợp có các quyền đi kèm theo bất kỳ cổ phần nào hoặc các điều khoản phát hành cổ phiếu đó có quy định khác đi, mức cổ tức (có tính đến những cổ phiếu chưa được thanh toán hết trong thời gian cổ tức được chi trả) được chi trả theo tỷ lệ tương ứng với khoản tiền đã thanh toán cho việc mua cổ phiếu đó trong giai đoạn chi trả cổ tức.
4. Công ty sẽ không trả lãi cho bất cứ một khoản cổ tức hay khoản tiền nào khác có thể được chi trả liên quan tới một cổ phiếu.
5. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc từng phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (có thể bằng các cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán hết tiền mua do Công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi Quyết định này.
6. Cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một cổ phiếu nếu được chi trả bằng tiền mặt sẽ phải được thực hiện bằng tiền đồng Việt Nam và có thể được thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và nếu có rủi ro phát sinh thì cổ đông đó phải chịu. Ngoài ra, mọi khoản cổ tức hoặc các khoản tiền khác được chi trả bằng tiền mặt liên quan tới một cổ phiếu có thể được thực hiện bằng chuyển khoản ngân hàng khi Công ty đã có thông tin chi tiết về ngân hàng của cổ đông nhằm cho phép Công ty thực hiện được việc chuyển khoản trực tiếp vào tài khoản ngân hàng của cổ đông. Nếu công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp thì Công ty không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ khoản tiền nào được Công ty chuyển cho cổ đông thụ hưởng mà cổ đông đó không nhận được. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Trung tâm giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký.

7. Nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông quyền lựa chọn để nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Những cổ phần bổ sung này được ghi là những cổ phần đã thanh toán hết tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần phổ thông bổ sung thay thế cho khoản cổ tức tiền mặt phải tương đương với số tiền mặt của cổ tức theo sự tính toán sát thực nhất.
8. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Hội đồng Quản trị thông qua quyết định của mình có thể quy định một ngày cụ thể (ngày khoá sổ) làm ngày khoá sổ hoạt động kinh doanh của Công ty mà theo đó những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân chia lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác. Ngày khoá sổ này có thể là cùng ngày hoặc vào bất cứ thời điểm nào trước khi việc nhận các quyền lợi đó được thực hiện. Điều này không ảnh hưởng tới quyền lợi của hai bên trong giao dịch chuyển nhượng cổ phiếu hoặc chứng khoán liên quan.

CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 44. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty sẽ mở tài khoản tại một ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật, nếu cần thiết.
3. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 45. Các loại quỹ

Lợi nhuận thực hiện của Công ty được phân phối theo thứ tự sau:

1. Bù khoản lỗ của các năm trước đối với các khoản lỗ không được trừ vào lợi nhuận trước thuế.
2. Trừ các khoản tiền phạt vi phạm pháp luật thuộc trách nhiệm của Công ty.
3. Trừ các khoản chi phí thực tế đã chi nhưng không được tính vào chi phí hợp lý khi xác định thu nhập chịu thuế.
4. Lợi nhuận thực hiện tập trung của Công ty sau khi trừ đi các Khoản 1, 2 và 3 của Điều này được phân phối theo trình tự sau:

Các quỹ được hình thành từ lợi nhuận sau thuế của Công ty, tỷ lệ trích lập quỹ hằng năm do HĐQT quyết định:

- Trích 5% vào quỹ dự phòng tài chính cho đến khi số dư bằng 10% vốn điều lệ.
- Trích lập quỹ đầu tư phát triển: Mức trích do HĐQT quyết định, tùy theo kết quả kinh doanh trong năm tài chính và mục tiêu phát triển của Công ty.
- Trích các quỹ khen thưởng, phúc lợi, mức trích do HĐQT quyết định.

- Các quỹ khác (cũng hình thành từ nguồn lợi nhuận sau thuế - là khoản trích trước đối với các quỹ dự phòng mất việc làm, quỹ khuyến mãi, quỹ bảo hành và được hạch toán vào chi phí, nếu trích không hết thì phần còn lại không được hạch toán vào chi phí hợp lý): Mức trích hằng năm do HĐQT quyết định theo đề nghị của Tổng Giám đốc.
- Quỹ thưởng HĐQT, Cơ quan TGD, BKS: Nghiên cứu cơ chế thưởng bằng cổ phần, không được chuyển nhượng cổ phần thưởng trong thời gian đương chức (trừ trường hợp đặc biệt được HĐQT chấp thuận).

Sau khi đã trích các quỹ trên lợi nhuận còn lại được chia cổ tức cho các cổ đông. Mức chia cổ tức cho các cổ đông căn cứ Nghị quyết của ĐHĐCĐ đã được thông qua.

Điều 46. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 hàng năm và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.
2. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 cùng năm.

Điều 47. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là hệ thống kế toán Việt Nam (VAS) hoặc bất kỳ hệ thống nào khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 48. Báo cáo hàng năm

1. Công ty sẽ phải chuẩn bị một bản báo cáo kế toán hàng năm theo quy định của pháp luật và phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 52 Điều lệ này và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh và các cơ quan khác theo quy định của pháp luật.
2. Báo cáo kế toán hàng năm phải bao gồm một báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và một bản cân đối kế toán cho thấy được một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính. Nếu Công ty là một công ty mẹ thì ngoài báo cáo kế toán hàng năm còn phải bao gồm bản cân đối kế toán tổng hợp về tình hình hoạt động của Công ty và các công ty con của nó vào cuối mỗi năm tài chính.
3. Các báo cáo tài chính đã được kiểm toán (bao gồm ý kiến kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của Công ty (nếu có) phải được công bố trên trang web của Công ty.

4. Bất kỳ một tổ chức hoặc cá nhân nào quan tâm sẽ được quyền kiểm tra hoặc sao chụp bản báo cáo tài chính hàng năm đã được kiểm toán, báo cáo sáu tháng và hàng quý trong giờ làm việc của Công ty, tại trụ sở chính của Công ty và phải trả một mức phí hợp lý cho việc sao chụp.

Điều 49. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo quy định và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 50. Kiểm toán

1. Hội đồng quản trị sẽ chỉ định một công ty kiểm toán để tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty sau khi được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo kế toán hàng năm cho Công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc mỗi năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai (02) tháng kể từ ngày kết thúc mỗi năm tài chính.
4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.
5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà mọi cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại cuộc họp về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 51. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:
 - a. Tên doanh nghiệp;
 - b. Mã số doanh nghiệp.
2. Trước khi sử dụng, Công ty có phải thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.
3. Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, sử dụng và lưu giữ con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.
4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng dấu.

CHƯƠNG XVIII. TỔ CHỨC LẠI CÔNG TY

Xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, Hội đồng quản trị có thể đề nghị với Đại hội đồng cổ đông như được quy định tại Điều 18.1 và Điều 22.3 của Điều lệ này thông qua việc tổ chức lại Công ty theo các hình thức sau:

1. Chia Công ty;
2. Tách Công ty;
3. Hợp nhất Công ty;
4. Sáp nhập Công ty;
5. Chuyển đổi Công ty.

Điều 52. Chia Công ty

1. Công ty có thể được chia thành hai hoặc nhiều công ty cổ phần khác.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định chia Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
3. Thủ tục chia Công ty được quy định như sau:
 - a. Quyết định chia Công ty phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b. Quyết định chia Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty hiện có; số lượng công ty sẽ thành lập; nguyên tắc và thủ tục chia tài sản Công ty; phương án sử dụng lao động, thời hạn và thủ tục chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị chia sang các công ty mới thành lập; nguyên tắc giải quyết các nghĩa vụ của công ty bị chia; thời hạn thực hiện chia Công ty.
 - c. Quyết định chia Công ty phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định;
 - d. Các Cổ đông của các công ty mới được thành lập thông qua Điều lệ, bầu thành viên Hội đồng quản trị; tiến hành đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định chia Công ty quy định tại Điểm a, Khoản này.
4. Sau khi đăng ký kinh doanh các công ty mới, Công ty sẽ chấm dứt tồn tại. Các công ty mới phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Điều 53. Tách Công ty

1. Công ty có thể tách bằng cách chuyển một phần tài sản của Công ty hiện có để thành lập một hoặc một số công ty cổ phần mới; chuyển một phần quyền và nghĩa vụ của Công ty sang công ty được tách mà không chấm dứt sự tồn tại của Công ty.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định tách Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.

3. Thủ tục tách Công ty được quy định như sau:

- a. Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua quyết định tách Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - b. Quyết định tách Công ty phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty bị tách; số lượng công ty được tách sẽ thành lập; phương án sử dụng lao động; giá trị tài sản, các quyền và nghĩa vụ được chuyển từ Công ty sang công ty được tách; thời hạn thực hiện tách Công ty.
 - c. Quyết định tách Công ty phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định;
 - d. Các Cổ đông của công ty cổ phần được tách thông qua Điều lệ, bầu thành viên Hội đồng quản trị; tiến hành đăng ký kinh doanh theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định tách Công ty quy định tại Điểm a Khoản này.
4. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty và công ty được tách phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

Điều 54. Hợp nhất Công ty

1. Công ty cùng một hoặc một số công ty cổ phần khác (gọi chung là các công ty bị hợp nhất) có thể hợp nhất thành một công ty cổ phần mới (gọi là công ty hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty hợp nhất, đồng thời chấm dứt sự tồn tại của Công ty và các công ty bị hợp nhất khác.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định hợp nhất Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
3. Thủ tục hợp nhất Công ty được quy định như sau:
 - a. Việc hợp nhất Công ty phải được thực hiện thông qua Hợp đồng giữa các công ty tham gia hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở các công ty bị hợp nhất; tên, trụ sở công ty hợp nhất; thủ tục và điều kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản; chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty bị hợp nhất thành phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất; dự thảo Điều lệ công ty hợp nhất;
 - b. Các Cổ đông của các công ty bị hợp nhất thông qua Hợp đồng hợp nhất, Điều lệ công ty hợp nhất, bầu Hội đồng quản trị công ty hợp nhất; tiến hành đăng ký kinh doanh công ty hợp nhất theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo hợp đồng hợp nhất. Hợp đồng hợp nhất phải được gửi đến tất cả các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua.
4. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty sẽ chấm dứt tồn tại. Công ty hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty bị hợp nhất.

Điều 55. Sáp nhập Công ty

1. Công ty cùng một hoặc một số công ty cổ phần khác (gọi chung là công ty bị sáp nhập) có thể sáp nhập vào một công ty cổ phần khác (gọi là công ty nhận sáp nhập) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty nhận sáp nhập, đồng thời chấm dứt tồn tại của Công ty và các công ty bị sáp nhập khác.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định sáp nhập Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
3. Thủ tục sáp nhập Công ty được quy định như sau:
 - a. Các công ty liên quan chuẩn bị hợp đồng sáp nhập và dự thảo Điều lệ công ty nhận sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty nhận sáp nhập; tên, trụ sở công ty bị sáp nhập; thủ tục và điều kiện sáp nhập; phương án sử dụng lao động; thủ tục, điều kiện và thời hạn chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần và trái phiếu của công ty bị sáp nhập thành phần vốn góp, cổ phần và trái phiếu của công ty nhận sáp nhập; thời hạn thực hiện sáp nhập;
 - b. Các Cổ đông của các công ty có liên quan thông qua Hợp đồng sáp nhập và Điều lệ công ty nhận sáp nhập; tiến hành đăng ký kinh doanh công ty nhận sáp nhập theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo hợp đồng sáp nhập. Hợp đồng sáp nhập phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua;
4. Sau khi đăng ký kinh doanh, công ty nhận sáp nhập được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty bị sáp nhập.

Điều 56. Chuyển đổi Công ty

1. Công ty có thể được chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn.
2. Tỷ lệ số phiếu chấp thuận phải có để thông qua quyết định chuyển đổi Công ty được áp dụng theo quy định của pháp luật và quy định tại Điều 22.3 của Điều lệ này.
3. Thủ tục chuyển đổi được quy định như sau:
 - a. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định chuyển đổi và Điều lệ công ty chuyển đổi. Quyết định chuyển đổi phải có các nội dung chủ yếu sau: tên, trụ sở công ty được chuyển đổi; tên, trụ sở công ty chuyển đổi; thời hạn và điều kiện chuyển tài sản, phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của công ty được chuyển đổi thành tài sản, cổ phần, trái phiếu, phần vốn góp của công ty chuyển đổi; phương án sử dụng lao động; thời hạn thực hiện chuyển đổi;
 - b. Quyết định chuyển đổi phải được gửi đến tất cả chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày thông qua quyết định. Việc tiến hành đăng ký kinh doanh của công ty chuyển đổi phải được tiến hành theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trong trường hợp này, hồ sơ đăng ký kinh doanh phải kèm theo quyết định chuyển đổi.

4. Sau khi đăng ký kinh doanh, Công ty chấm dứt tồn tại. Công ty chuyển đổi được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

CHƯƠNG XIX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 57. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
 - c. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền theo quy định pháp luật.

Điều 58. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

- a. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.
- b. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.
- c. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 59. Thanh lý

1. Ít nhất sáu (06) tháng sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị sẽ phải thành lập Ban thanh lý gồm (03) thành viên. Hai thành viên trong đó do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một Công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày được thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Toà án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;

- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đi thanh toán mọi khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

CHƯƠNG XX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 60. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Khi phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc hay người quản lý cao cấp.

Thì các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu mỗi bên, trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Nếu tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Chủ tịch Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

- 2. Nếu không có quyết định hoà giải nào đạt được trong vòng 06 tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Tòa án có thẩm quyền để giải quyết.
- 3. Mỗi bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Tòa án sẽ do Tòa phán quyết bên nào phải chịu.

CHƯƠNG XXI. SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 61. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

- 1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.
- 2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

CHƯƠNG XXII. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 62. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 22 Chương với 62 Điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần VINATEX Đà Nẵng nhất trí thông qua ngày 20 tháng 7 năm 2005; nội dung chỉnh sửa, bổ sung lần thứ nhất được nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào ngày 28 tháng 4 năm 2008; nội dung chỉnh sửa, bổ sung lần thứ hai được nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào ngày 27 tháng 3 năm 2010; nội dung chỉnh sửa, bổ sung lần thứ ba được nhất trí thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức vào ngày 07/4/2012 và nội dung chỉnh sửa, bổ sung lần thứ tư được nhất trí thông qua theo quyết định hợp lệ của Đại hội đồng cổ đông ngày 21/12/2016.
2. Điều lệ được lập thành mười bốn (14) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Sáu (06) bản nộp, đăng ký tại cơ quan quản lý Nhà nước theo quy định của pháp luật;
 - b. Hai (02) bản nộp Tập đoàn Dệt May Việt Nam (Vinatex); và
 - c. Sáu (06) bản lưu tại văn phòng Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc ít nhất một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Thành phố Đà Nẵng, Ngày 21 tháng 12 năm 2016.

CHỮ KÝ CỦA NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT



A handwritten signature in blue ink, consisting of a series of loops and a long horizontal stroke.

HỒ HAI